

Trung Giang Ký Sự – kỳ 17

Hành Vân

Sáng ngày 8 tháng 3, lúc điểm tâm xong hòa thượng Giác Giới bảo tôi rằng hôm nay làm việc của tôi cho rồi. Tôi cũng mong được như thế. Đến hơn 7 giờ rưỡi, tôi xuống thỉnh hòa thượng lên nhà Tăng cho rộng và yên tĩnh. Sau khi hòa thượng đã an tọa, tôi kính xá ngài rồi ngồi gần một bên và bắt đầu hỏi **câu thứ nhất**:

– Kính bạch hòa thượng, hôm nay con xin phép tìm hiểu về Đạo Phật Khất Sĩ. Điều đầu tiên, thưa hòa thượng cho con được biết về sự thành lập sáu Giáo đoàn Tăng Khất Sĩ?

Hòa thượng bắt đầu chậm rãi nói:

– Tôi xuất gia cũng trễ, tới sáu năm sau Tổ vắng bóng, nên tôi chỉ biết từ khoảng thời gian đó thôi.

– Dạ.

– Hồi tôi xuất gia là theo Đoàn Du Tăng do đức Nhị Tổ Giác Chánh lãnh đạo du hành đến tại quê tôi vào đầu năm 1960. Tôi xuất gia ngày 1 tháng 3 âm lịch năm 1960 dưới sự chứng nhận của đức Thượng tọa Giác Chánh (*theo cách gọi hồi đó*), rồi được giao cho ngài Giác Huệ dạy bảo. Hồi đó, trong đoàn còn có mấy vị đệ tử Tổ: đức Tri sự Giác Như, trưởng lão Giác Nhơn, Giác Trụ, Giác Hòa, Giác Lương, Giác Bửu... Xuất gia năm đó, tôi còn duyên dự hai lễ hội chung của giáo hội: đó là Tụ tứ năm 1960 và Tụ tứ năm 1961.



Hình chụp đầu năm 1962, khi đi xem đất chuẩn bị cất Tịnh xá Ngọc Tường. Từ trái qua: sư Giác Lễ, trưởng lão Giác Trụ, Tri sự Giác Như, giảng sư Giác Huệ, sư Giác Giới.

Đến năm 1962, Ngô Đình Diệm ngăn không cho Tăng, Ni Khất Sĩ Tụ tứ ở Tây Ninh, lấy lý do là biên giới không yên. Vậy nên mỗi đoàn tổ chức Tụ tứ ở một điểm khác nhau. Sau kỳ Tụ tứ đó đoàn sáu mới chuẩn bị thành lập.

Tôi có duyên sống gần nhiều vị tôn túc đệ tử Tổ. Theo tôi nghe ngóng, trước khi Tổ vắng bóng, ngài đã chứng minh nhận một chiếc xe Rờ-nôn-tôn-tur

do một Phật tử ở Long An trúng số độc đắc phát tâm mua cúng dường Đoàn Du Tăng của ngài. Đến khi xe đặt từ Pháp mang về thì Tổ sư đã vắng bóng...

Đang nói đến đây thì có điện thoại reo, hòa thượng dừng lời lấy điện thoại nghe. Nghe điện thoại xong, hòa thượng bảo: “Bây giờ tôi phải đi Tam Bình liên, việc của đại đức phải để khi khác rồi.”. Tôi thưa: “Thỉnh hòa thượng chiều hoặc tối nay nghe.”. Hòa thượng gật đầu, đứng dậy đi xuống. (*Mấy năm sau tôi mới nghe HT. Giác Ngộ bảo trưởng lão Giác Hòa mất năm 1958.*)

Đến hơn 8 giờ tối hôm đó hòa thượng lại lên trên chỗ nhà Tăng gặp tôi. Tiếp tục công việc, tôi lại đề nghị hòa thượng nói về sự hình thành sáu giáo đoàn. Ngài nói:

– Sau Tổ vắng bóng, nghe nói Pháp sư Giác Nhiên có tư tưởng ra đoàn trước. Lúc đó từ “Giáo đoàn” còn chưa có, chỉ gọi “Đoàn”, cũng không xếp thứ tự mà chỉ gọi theo tên vị sáng lập: Đoàn Thầy Tịnh, Đoàn Thầy An, Đoàn Pháp sư Nhiên, Đoàn Thầy Lý, và đoàn gốc Tổ đã lập ra gọi là Đoàn Thượng tọa Giác Chánh.¹

Do bị gò bó, không phù hợp mà quý sư lớn có năng lực cứ xin tách đoàn lập riêng. Tôi không được chứng kiến những lúc đó, nhưng sau này đã vào giáo hội, tôi thấy đức Thượng tọa Giác Chánh thường hay nói mỗi khi có ai trình bạch: “Cái gì đúng với chơn lý thì làm.”. Vậy lần lần quý sư đã tách ra chứ không phải là giáo hội có chủ trương, chỉ đạo, phân công gì.

Năm tôi mới xuất gia, tôi thấy Thầy Lý dẫn hai tập sự mặc đồ vàng là Giác Bạch với Giác Đỉnh về trình diện, xin đi riêng. Tối khoảng sau năm trưởng lão Giác Như mất mới thành tên Giáo đoàn I, II, III, IV, V và VI.

Trưởng lão Giác Như mất năm 83, năm đó Tịnh xá Trung Tâm có tổ chức an cư. Từ vài năm trước, Trưởng lão với tôi đã thường về Tịnh xá Trung Tâm dự lễ nhập Hạ ở đó. Năm 83, khi về Ngọc Viên để cùng đi với tôi, Trưởng lão đã ngộ bệnh rồi tịch luôn tại tịnh xá này.

Giáo đoàn I, vì kế thừa của Tổ, xem như là gốc, nên phải được xếp là Giáo đoàn I. Sau đó hể tách một cái thì thành một đoàn. Trong *Chơn Lý*, Tổ đề từ “giáo hội” chứ không phải từ “giáo đoàn”: “giáo hội chánh”, “giáo hội ngánh”²... Đủ 20 Tỳ-kheo là thành một giáo hội thôi. Đoàn VI ra nhờ tinh thần xóa bỏ quá khứ, thôi giải phóng rồi... chứ trước đó quý sư đều xem như chỉ có năm đoàn, không nhìn nhận đoàn của sư Giác Huệ. Năm 1980 thượng tọa Giác Huệ vắng bóng [*mất tích mới đúng*], sau đó ngài Giác Đức đã về duy trì giáo đoàn và xin nhập vào giáo hội chung. Lúc đó đức Tri sự có chủ trì cuộc họp, đại chúng đã đều đồng ý.

¹ Từ “Thầy” viết hoa, chỉ dành riêng cho một số vị sáng lập các giáo đoàn Khất sĩ. Sau này mọi người gọi là “đức Thầy”. Lưu ý cách xưng hô này, trong khi tất cả chư Tăng khất sĩ đều dùng chung danh từ “sư”. Còn ba vị Trưởng lão Giác Tấn, Thượng tọa Giác Chánh, Tri sự Giác Như là ba vị thượng thủ của Đạo Phật Khất Sĩ sau khi Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng. Nên khi gọi ba vị này quý sư thường thêm từ “đức” phía trước, mà khi viết thì tôi viết hoa chức danh của ba vị để phân biệt với các vị khác và không dùng từ “đức”.

² Giáo hội nhánh.

Qua những lời kể trên, hòa thượng Giác Giới đã nói sơ quá trình hình thành sáu giáo đoàn Tăng Khất Sĩ. Từ mấy năm trước tôi đã được biết: Trong thời Việt Nam Cộng Hòa, năm đoàn đầu đã đứng chung trong Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam; còn đoàn của ngài Giác Huệ lập riêng Giáo hội Khất sĩ Việt Nam, nghe nói là thân bên ngài Tâm Châu. Về việc thành lập Đoàn VI, hòa thượng Giác Ngộ hay kể là lúc đó quý sư không đồng ý nhưng không nói ra... Vậy tôi cứ ghi nhận ở đây rằng hòa thượng Giác Ngộ không đồng ý thành lập Giáo đoàn VI, và hòa thượng Giác Giới biện dẫn “Lúc đó đức Tri sự có chủ trì cuộc họp” là không thuyết phục, bởi trưởng lão Giác Như khi đó không còn là tri sự của giáo hội cũng như của Giáo đoàn I. Hòa thượng Giác Ngộ nguyên là Trưởng Ban thường trực Hội đồng Giáo phẩm Phật giáo Khất Sĩ hai nhiệm kỳ đầu, còn hòa thượng Giác Giới thì đương nhiệm.

Tôi tiếp tục hỏi hòa thượng câu thứ hai:

– Bạch hòa thượng, xin cho con biết những nét sinh hoạt của Giáo đoàn I, từ khi Tổ lập đến giờ?

Hòa thượng Giác Giới nói:

– Hồi đó Tổ sư Minh Đăng Quang lập Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam gồm hai giáo hội Tăng và giáo hội Ni. Về sự sinh hoạt thì Tăng, Ni thống nhất trong một hệ thống tổ chức. Hàng năm, Tăng, Ni chỉ có một ngày Tự tứ và Vu-lan chung thôi. Ngày đó tất cả Tăng, Ni khất sĩ phải về đủ, nếu không về là Tổ phạt giáng y. Luật hồi đó nghiêm khắc, phép tắc bắt buộc phải về đủ. Cả hai bên Tăng, Ni đều có hai hình thức sinh hoạt như nhau là Đoàn Du Tăng và Tăng trụ xứ. Tăng trụ xứ gồm những vị già yếu, còn tất cả các vị khất sĩ khỏe mạnh đều phải theo Đoàn Du Tăng đi hành đạo.

Hồi đó, Tăng đi các nơi tùy sở thích mỗi vị chứ chưa có tổ chức cụ thể.

– Còn ngài Tri sự Giác Như, bạch hòa thượng?

– Ngài chưa có sắp xếp. Lúc mới vô, tôi theo đoàn tới hai năm. Năm 1962 sư Giác Huệ tách đoàn thì tôi phải theo. Bên này trưởng lão Giác Như phối hợp với ngài Giác Trang để sắp đặt Tăng, chủ yếu là tùy duyên mỗi vị có thích không, nên có mấy tịnh xá không có sư nào ở. Tới năm sáu mấy trong giáo đoàn mới có đề nghị luân phiên đi giáp vòng: ở Tây Ninh xuống Ngọc Chánh, xuống Long An – Ngọc Thành, xuống Hòa Đồng, tới Ngọc Tường, rồi đi Trà Vinh – Ngọc Vân, xong lên Vĩnh Long, qua Sa-đéc. Hồi đó chưa có ở Hà Tiên nên từ Sa-đéc xuống Bạc Liêu, rồi lên Cần Thơ, lên Thốt Nốt, lên Long Xuyên. Tới đó thôi, còn Ngọc Thọ tại Núi Đất do hai trưởng lão Giác Nhơn và Giác Bửu ở xuyên suốt, không có cắt Tăng thay đổi.



Trưởng lão Giác Nhơn – trưởng lão Giác Bửu
Hình dán trong chứng điệp thọ giới.

Năm 63, 64 gì đó, sư Giác Yên về cất Tịnh xá Ngọc Châu ở Hà Tiên. Hơn một năm sau sư ra đời, Phật tử giao tịnh xá cho mình, mới đưa Ngọc Châu vào cất Tăng luân phiên luôn.

Có hai sinh hoạt rõ nét là Đoàn Du Tăng và Tăng trụ xứ. Đoàn Du Tăng do đức Thượng tọa Giác Chánh dẫn đi hành đạo. Sau khi Tổ vắng bóng đức Thượng tọa dẫn đoàn đi bằng xe, chiếc xe đặt từ Pháp mang về. Tổ vắng bóng một thời gian thì quý sư tập hợp lại lấy xe đó du hành ở miền Nam và ra tới tận Trung. Hồi đó đức Thượng tọa Giác Chánh theo xe đó đi hoài. Đến năm 1960 tôi xuất gia rồi cũng theo đoàn của ngài nữa. Giờ chắc tôi phải lấy cuốn sổ đó cho sư coi.

- Sổ Hành Đạo phải không, hòa thượng?
- Sư coi cái sổ đó rồi mới xác định đoàn ghé đâu, ghé đâu...
- Dạ, để sáng hòa thượng cho con mượn đi.
- Ồ. Xem sổ đó rồi sư mới nắm được diễn biến, vì mình đi đến đâu đều phải trình sổ đến đó, nên trong sổ có thời gian đầy đủ. Đoàn đi hành đạo mãi đến Tụ tứ lại quay về trong Nam.

Từ khi tôi vô đến khi các đoàn tách riêng hẳn thì tôi dự được hai lễ Tụ tứ chung, một là lễ năm 1960 tại Tịnh xá Ngọc Vinh ở Trà Vinh và hai là lễ năm 1961 tại Tịnh xá Ngọc Viên ở Vĩnh Long. Trong hai lễ Tụ tứ đó, tất cả Tăng, Ni khát sĩ đều tập trung về đủ, không thiếu ai. Đến năm 1962 dự định Tụ tứ ở Tây Ninh nhưng gần đến ngày lễ thì bị cản trở, nên các đoàn phải Tụ tứ riêng và từ đó chấm dứt Tụ tứ chung luôn cho tới bây giờ. Năm đó còn thời Ngô Đình Diệm, họ lấy lý do biên giới không an ổn nên chặn không cho mình về thị xã Tây Ninh.

Hồi đó, Đoàn I luôn giữ hai truyền thống Đoàn Du Tăng và Tăng trụ xứ. Đoàn Du Tăng duy nhất có đức Thượng tọa Giác Chánh dẫn đoàn. Tới năm 1962 không đi ô-tô nữa, chiếc Rờ-nôn-tôn-tư đó ngài giao lại cho sư Giác Huệ. Sư Giác Huệ giao bên cánh sư cô Huỳnh Liên, sư cô Huỳnh Liên không lấy mới giao bên đức Trưởng lão Giác Tánh đem về miền Trung. Chiếc ô-tô đó bây giờ còn để ở Quy Nhơn.

– Như vậy năm 62 mới giao, bạch hòa thượng?

– Năm 62. Cũng năm đó sư Giác Huệ mua chiếc Rờ-nôn-tôn-tư khác mới hơn. Xe thì giao như vậy, còn cái máy âm ly không biết giao ai. Máy đó của ông giáo ở đây cúng cho Tổ đi hành đạo. Xe ô-tô và máy âm ly đó là hai di vật lịch sử.

Ngoài hai sinh hoạt đó, lâu lâu cũng có chấp nhận cho một vài sư đi tu tịnh. Đặc biệt, Luật Tổ có quy định, ai muốn đi tu tịnh phải được giáo hội cho phép. Khi tôi vô có thấy việc đó.

Tăng sư hồi đó tuyệt đối không ai có tiền, mà cả tịnh xá cũng vậy, nên vô tịnh xá không có thùng phước sương gì hết. Nên cư sĩ làm sao làm, quý sư không ai biết tới.

Hồi còn sa-di, tôi có trụ trì Tịnh xá Ngọc Quang, chính tôi lúc đó cũng không biết tiền bạc gì. Tới kỳ, họ mang gì vào cúng dường thì mình thọ dụng vậy thôi, họ lấy cái đó ở đâu ra mình cũng chẳng biết. Mỗi ngày mình đều đi khát thực, rồi họ nấu thêm sớt bát, mình chứng minh vậy thôi chứ không có một hình thức tổ chức nào. Nấu bếp xong các Phật tử đều về, không ai được ở lại cả.

Chư Tăng tuyệt đối ăn ngày một ngo, cũng có ăn sáng. Tịnh xá rất đơn sơ, có chỗ lợp lá, có chỗ lợp tôn, tồn tại rất lâu dài. Cho tới năm 66 Tịnh xá Ngọc Vân xây nhà bếp bằng gạch lóc thôi mà quý sư còn chấp thủ tới mức đã đập bỏ, chỉ cho làm vách ván, tôn hay lá... Tôi đứng ra làm nhiều tịnh xá cũng làm vách và mái bằng tôn, rất thanh bần đơn giản.

Về lễ hội, hàng năm chỉ có một lễ duy nhất là Lễ Vu-lan, chưa có Lễ Kỷ niệm Tổ nữa. Tới năm sáu mấy Giáo đoàn I mới bàn việc làm Lễ Kỷ niệm Tổ, do quý sư thống nhất ý kiến rồi làm. Như ở Đoàn I là chậm, các đoàn khác có nơi đã làm Lễ Kỷ niệm Tổ trước đó. Các Lễ Kỷ niệm Tổ hồi đó cũng còn đơn sơ.

Còn hàng tháng giữ bốn ngày cúng hội rất đều ở mọi tịnh xá. Ngày cúng hội, có một số tịnh xá còn giữ truyền thống đem cơm từ ngoài vào, nhất là Tịnh xá Ngọc Vân – Trà Vinh. Phật tử tự nấu ở nhà, có khi họ mang vô hai, ba thứ canh, nhiều món đồ xào... Mang vô xớt cúng quý sư xong, phần còn lại họ mang xuống chia nhau ăn.

Tịnh xá xưa có chỗ có nhà bếp, có chỗ không có, nếp sống như vậy. Cúng hội, quý sư thuyết pháp lúc cúng thôi. Nhưng trong *Chơn Lý* có nói khác là thuyết lúc 9 giờ, cúng hội tới 11 giờ, độ cơm tới 12 giờ và đọc kinh tới 1 giờ.

Hồi xưa không có vấn đề cho Phật tử tụng kinh ban đêm. Tịnh xá đều giữ truyền thống sáng 7 giờ mở cửa, chiều 5 giờ đóng cửa, để yên cho quý sư tu

tịnh. Nên buổi tối ở tịnh xá vắng tanh, không phải như bây giờ mình phương tiện mở ra cho Phật tử vô tưng kinh.

Về vấn đề xốt bát cúng dường, theo truyền thống của Tổ, cư sĩ chia nhau xốt bát cúng dường mỗi ngày trong tháng. Hàng ngày quý sư vẫn đi khất thực, khi về Phật tử xốt thêm, mình vận động Phật tử cho trọn tháng. Quý sư về tịnh xá độ cơm, vị nào tịnh tấn thì độ cơm dọc đường. Hồi xưa đa số quý sư thích độ cơm đường lắm, chỉ một số về tịnh xá độ.

Về việc đi hành đạo của Đoàn đức Thượng tọa Giác Chánh, tôi nghe nói trước đó ngài cũng có lúc đi bộ, nhưng từ 1962 là hoàn toàn không đi xe nữa. Ngài dẫn đoàn đi suốt ở miền Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau... cho tới ngày Giải phóng.

Vào biến cố Mậu Thân, Đoàn Du Tăng của đức Thượng tọa Giác Chánh nằm ở Bạc Liêu. Qua năm 69 đoàn rã ra đi chỗ này chỗ kia, đức Thượng tọa tự đi hành đạo vùng dưới. Trên này trưởng lão Giác Như quản lý các cơ sở, phối hợp với ngài Giác Trang phân công trụ xứ luân phiên, ba tháng đổi một lần công bằng.

Năm 1972, trong lần Tự tứ ở Ngọc Tường – Mỹ Tho, trưởng lão Giác Như lên tiếng rằng: “Tôi mệt rồi, quý sư sắp xếp việc tri sự dùm.”. Quyền Tổng tri sự mà Tổ sư đã chỉ định cho trưởng lão Giác Như bấy giờ ngài đã đem giao lại cho đại chúng, chớ không giao cho cá nhân ai. Lúc đó đại chúng mới bầu cử tôi làm tri sự đoàn. Từ đó tôi đã làm cho tới bây giờ. Khi tôi làm, trưởng lão vẫn còn, nên mọi việc tôi đều trình cho ngài biết, cho tới khi ngài viên tịch. Trong đoàn bốn năm bầu cử một lần, nhưng quý sư trong đoàn ít ai chịu ra gánh vác việc tập thể.

Với câu hỏi thứ hai của tôi, hòa thượng Giác Giới đã giải đáp đầy đủ. Hòa thượng đã nói tuần tự rõ ràng như vậy, chứng tỏ ngài rất thuần thực trong khâu tổ chức quán xuyên đời sống. Một tập thể muốn được ổn định và phát triển tốt đẹp thì luôn luôn cần phải có những người giỏi tổ chức trong tập thể ấy. Do vậy, hòa thượng trụ trì Tịnh xá Ngọc Viên rất cần cho Giáo đoàn I nói riêng và cho cả Đạo Phật Khất Sĩ hiện nay nói chung.

Tôi hỏi hòa thượng Giác Giới câu thứ ba:

– Bạch hòa thượng, con xin hỏi về giáo hội Ni của Phật giáo Khất Sĩ? Hồi đó, Tổ sư Minh Đăng Quang đã sắp đặt giáo hội Ni như thế nào và sau khi Tổ sư vắng bóng thì sao?

Hòa thượng đáp:

– Nói là Tổ sắp đặt, thì bây giờ cũng còn vài bút tích ghi lại. Hồi đó Tổ giao giáo hội Ni cho sư cô Huỳnh Liên với mấy sư cô nữa chung nhau lãnh đạo. Bên Tăng Tổ trực tiếp lãnh đạo. Bên Ni làm gì cũng phải về trình bạch Tăng, nói chung cũng đơn giản chớ không có gì.

– Vậy mọi chuyện quan trọng Ni đều phải trình bên Tăng?

– Đúng rồi, đây là Luật Phật. Lúc còn Tổ thì chư Ni trình Tổ, Tổ vắng bóng thì chư Ni trình đức Nhị Tổ, hồi đó còn gọi là đức Thượng tọa Giác Chánh.

Lúc Tự tứ Ni về phải phát lồ sám hối giữa đại chúng Tăng. Nhưng thật ra bên Ni cũng có cái chủ động, tuy vẫn trình thưa mà có tính cách độc lập. Sau này, Tổ vắng bóng rồi, tới năm 1961 Ni vẫn về Tịnh xá Ngọc Viên Tự tứ chung.

Việc thọ giới Tỳ-kheo Ni, tôi không thấy phép trao truyền giới có hai hội chúng Tăng, Ni chứng dự. Gần như bên Ni trình Tăng, rồi tự truyền giới, rồi lại trình Tăng chứng minh đã truyền xong, chứ không có như trong *Chơn Lý* Tổ dạy muốn thâu một tỳ-kheo Ni phải có hai giáo hội Tăng và Ni chứng minh mới được.

Khi đến gặp Tăng, Ni phải đi một chúng bốn vị trở lên, chứ không đi hai người. Khi gặp thì cũng trình thưa, bên Tăng cũng góp ý này kia... Tôi tới năm 63 mới thọ giới Cụ túc và được dự vào các cuộc hội họp của chư Tỳ-kheo, nên giai đoạn trước đó tôi chỉ biết chung vậy thôi.

Nghĩ về từ Giáo hội của Tổ, tôi trình bày quan điểm của mình:

– Con thấy trong *Chơn Lý*, Tổ sư Minh Đăng Quang có dùng từ “Giáo hội chánh”, “Giáo hội gốc”...

Hòa thượng ngắt lời tôi:

– Giáo hội chánh chỉ có một thôi. Tổ phân biệt các tỳ-kheo lâu năm có thể tách ra lập đạo dạy số đông, nhưng phải xin phép giáo hội, được sự đồng thuận của đại chúng. Cho nên trong Giới luật của ngài có nhiều giáo hội lắm: tiểu, trung, đại giáo hội... nhưng **đều chung trong một hệ thống tổ chức chứ không có lập riêng tổ chức khác**. Trong hệ thống tổ chức chung đó, các giáo hội ngành phải ba tháng một kỳ trình bạch sự tu học về giáo hội chánh.

– Dạ, Giáo hội chánh tức là Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam do Tổ sư Minh Đăng Quang lập ra.

– Ồ, sau này Giáo hội chánh trở thành Giáo đoàn I.

Hai chữ “sau này” trong câu nói vừa rồi của hòa thượng là chỉ giai đoạn đầu thập niên 1960. Và theo tôi biết, thì Giáo hội chánh chính là Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam do Tổ sư Minh Đăng Quang lập, có đủ các đức Thầy và các trưởng lão Tăng, Ni lớn. Còn bàn về giáo hội Ni, tôi thưa tiếp với hòa thượng:

– Dạ, theo con thì giáo hội Ni chỉ có thể là một giáo đoàn trực thuộc mà thôi. Nếu **Ni lập một tổ chức giáo hội riêng thì đâu phải là tinh thần Tổ sư Minh Đăng Quang cho phép**.

– Hồi đó, khi Ni đã hoạt động tự do mà bên Tăng cũng không đặt vấn đề gì. Khi ngài Giác Đức còn ở chung, bên Ni mỗi lần về hay bị ngài góp ý. Nhưng tôi thấy trong 114 điều Tổ dạy, có một điều là Tăng không được tự ý sát phạt Ni.³

³ 114 Điều Luật Nghi Khất Sĩ: “88. Cấm Tăng sư khinh bỉ, ra lệnh, thị nạt Ni cô.”

– Dạ đúng, không nên ỷ mình là Tăng mà coi thường Ni, bạch hòa thượng.

Thôi tôi chuyển qua câu hỏi thứ tư:

– Bạch hòa thượng, con xin đặt một vấn đề khác: Thời trước năm 1975, trong hệ thống Khất Sĩ của ngài Minh Đăng Quang, hòa thượng thấy nó phát sinh được bao nhiêu đoàn thể?

Hòa thượng Giác Giới đáp:

– Ngoài sáu đoàn Tăng, có một số đoàn nhỏ không được sáu đoàn thừa nhận. Như ngài Giác Bảo đệ tử Tổ cứ nói là Tổ cho ngài ra lập đoàn riêng, nhưng thật ra đó là Tổ khéo léo. Tổ cho quý vị đó đi, vì **ngài Giác Bảo** dùng sấm giảng, **ngài Từ Huệ** trị bệnh. Hồi đó tôi không thấy mấy vị này về Tự tứ bao giờ. Sau, đệ tử ngài Giác Bảo có lập mấy tịnh xá bên Tân Lạc, Tăng cũng đông đông, nhưng không đứng trong hệ thống của mình.

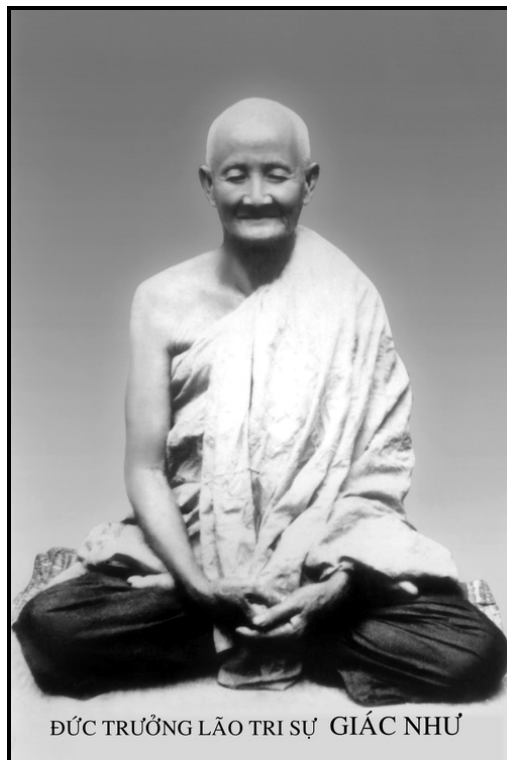
– Dạ, tuy vậy vẫn là Khất Sĩ chứ đâu phải Bắc tông hay Nam tông.

– Như sư Giác Vạn bên Đoàn IV thì sao?

– Dạ, hòa thượng Giác Vạn là đệ tử hòa thượng Pháp sư mà, vẫn về giáo đoàn sinh hoạt bình thường.

Và tôi hỏi tiếp hòa thượng câu thứ năm:

– Bạch hòa thượng, con xin hỏi về ngài Tri sự Giác Như? Con không thấy ở đâu có tiểu sử của ngài.



ĐỨC TRƯỞNG LÃO TRI SỰ GIÁC NHƯ

Hòa thượng cho biết:

– Hồi đó có viết đại khái. Theo ngài kể, lúc ở nhà ngài là một nông dân làm ruộng rẫy chứ không phải là một tri thức xã hội. Một lần, ra chợ ngài thấy Tổ sư đi trì bình.

– Tỉnh nào, bạch hòa thượng?

– Sa-đéc, ở Bình Tiên, cùng quê với hòa thượng Giác Tường. Thấy Tổ, ngài cảm xúc trước uy nghi đi đứng của Tổ. Từ đó ngài tới lui nghe kinh nghe pháp rồi đi xuất gia năm 1950. Năm 1951 ngài thọ Tỳ-kheo.

– Trước ba ngài Tánh, Chánh, Như còn ai không, hòa thượng?

– Còn ai đâu.

– Dạ, như vậy bên Tăng phát triển chậm. Bốn năm đầu, từ đầu năm 1947 đến hết năm 1950 mà có tám vị Nhựt Quang, Nguyệt Minh, Huệ Ngạn, Từ Huệ, Giác Tịnh, Giác Tánh, Giác Chánh, Giác Như.⁴

– Khi Tổ đi, Tổ giao ngài Giác Như làm tri sự, ngài Giác Tánh làm Trưởng lão chứng minh, ngài Giác Chánh làm Thượng tọa. Tổ giao rất đúng người, bởi vì ngài Giác Chánh lo tu phạm hạnh, ít quan sát bên ngoài. Ngài Giác Chánh ngó lên, ngài Giác Như ngó xuống.

– Dạ, ngài lo về mặt đời sống của Tăng.

– Năm 1983 đức Tri sự Giác Như bị bệnh nặng, đêm đó đức Thượng tọa Giác Chánh lại thăm, tôi có chứng kiến. Đức Thượng tọa thuyết minh về Tâm không, khuyên ngài Tri sự nên giữ tâm không không, chứ già rồi, việc đời có bao giờ rồi?... Trưởng lão Giác Như nằm trên giường phản ứng: “Nếu cứ đóng cốc ngòi như sư thì ai giải quyết việc trong Tăng? Nền sư đã không không thì tôi phải có có!”.

Tôi nhận xét:

– Lúc cuối sắp đi ngài vẫn giữ lập trường của mình.

Hòa thượng đồng ý, kể tiếp:

– Ủ, đêm 16 Trưởng lão Giác Như bệnh, đức Thượng tọa lại thăm như vậy đó. Sáng 17, đức Trưởng lão Giác Như dạy tôi lên dự lễ An cư ở Tịnh xá Trung Tâm. Ngày đó, bác sĩ Ngự và thầy Tề vào thăm trưởng lão Giác Như. Tuy đang mệt, trưởng lão vẫn trân trọng tiếp đón hai vị thầy thuốc mà mấy sư thì giả lại thờ ơ đi đâu hết, nên ngài đứng ngóng quý sư, có ý trách.

Trưởng lão Giác Như có kể cho tôi nghe chuyện này: Một lần, Tổ sư Minh Đăng Quang bị ói dữ lắm, mấy sư đều vội lại lo. Nghe tiếng ồn ào, ngài Giác Chánh mở cửa ra coi rồi đóng cửa tu tiếp. Sáng hôm sau khỏe lại, Tổ nói với quý sư: “Thiệt ông Chánh! Hồi hôm tôi đau bệnh vậy, quý sư đều lại lo, còn

⁴ Lúc này tôi quên, chứ trong năm 1949 có một số vị xuất gia như Giác Hạnh, Giác Lương, Giác Tôn, Giác Hoằng, Giác An... mà Tổ sư đã đặc cách cho hai vị Giác Chánh và Giác Như thọ giới Tỳ-kheo trước.

ông chỉ mở cửa ngõ một cái rồi lại vô.”. Ngài quở trước, rồi ngài khen: “Vậy đó, mà nữa ông tu được!”.

Đức Thượng tọa Giác Chánh như vậy, còn trưởng lão Giác Như hễ ai bệnh là đến thăm, cho thuốc... tích cực lắm. Ví dụ, sư Giác Khang tu theo hạnh của đức Thượng tọa, ít biết đến gia đình. Một lần, trưởng lão Giác Như thấy ông thân sinh sư Khang bệnh, ngài về tới Trà Vinh kêu sư Khang xuống Bạc Liêu thăm cha liền... Nói chung tinh thần ngài mang tính xã hội rộng hơn đức Thượng tọa.

Nhưng ngài có tánh thân thiện ghét ác. Những vị nào tu hạnh tốt tốt thì ngài thương lắm, còn vị nào lời thôi cứ nói chuyện với phụ nữ hay làm biếng không đi khất thực là ngài rầy lắm. Bản thân ngài ít khi nào nói đùa giỡn và rất siêng đi khất thực. Đời sống của ngài luôn luôn giản dị, thanh bần, ít có tích trữ tài sản. Đó là những điểm đặc biệt.

– Ngài mất, mình chôn hay thiêu, hòa thượng?

– Ban đầu chôn, tới khoảng chín năm sau hốt cốt thiêu rồi để tro cốt ở đây.

– Dạ.

– Hồi đó có cái dỡ là đốt rồi không biết moi móc lựa hột soàn gì hết trơn.

Tôi khúc khích cười, hòa thượng đính chính:

– Lựa xá-lợi. Bao nhiêu tro cốt mình đổ xuống sông hết, chỉ lấy mấy cái xương thôi.

– Dạ.

– Cuộc đời ngài ít học, dốt chữ, nhưng tôi thấy ngài không dốt đạo. Nhận xét về giáo lý Phật giáo, ngài nói một câu mà không bao giờ tôi quên. Câu nói đó tôi thấy rất chính xác, nên tôi rất tâm đắc, bao giờ cũng trân trọng. Ngài nói: “Tôi thấy đạo Phật không có gì hết trơn, đơn giản thôi: Thân khẩu ý – Tham sân si – Giới định tuệ.”.

– Ngài sinh năm nào, hòa thượng?

– Tôi không nhớ.

– Năm mất ngài thọ bao nhiêu, bạch hòa thượng?

– Hình như 82 tuổi. Để tôi lấy chứng điệp của ngài đưa sư xem.

– Dạ.



Chứng điệp thọ giới của trưởng lão Giác Như do Tổ sư Minh Đăng Quang cấp.
Chứng điệp ghi ngài sinh năm 1911, tức là thọ 72 tuổi.

– Tôi thấy Tổ đào tạo được ba vị này rất đặc biệt. Đức trưởng lão Giác Tánh oai nghi, hạnh nét chu toàn. Đức Thượng tọa Giác Chánh rất trầm tĩnh trong mọi vấn đề hội họp. Còn đức Tri sự Giác Như tánh bộc trực, nói không phải đứng dậy đi à!

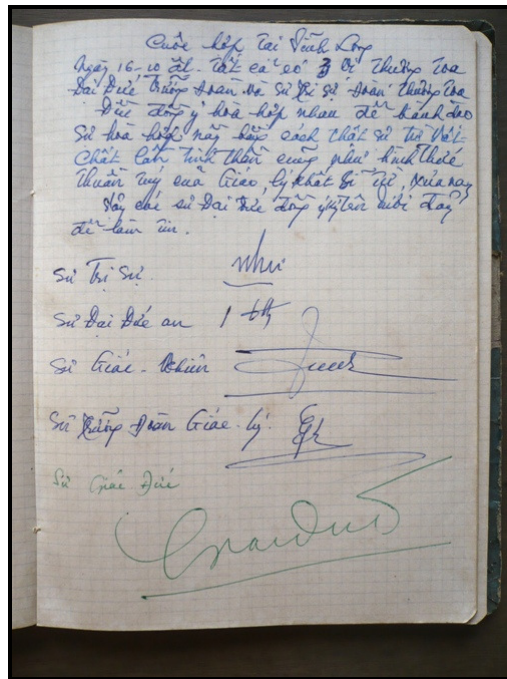
Nói đến ngài Giác Như là nói đến công việc tri sự, là việc sắp xếp điều hành mọi Tăng sự trong giáo hội Phật giáo. Công việc đó ban đầu trưởng lão Giác Như gánh vác, sau đó chuyển hết qua hòa thượng Giác Giới. Thành ra nhân nói về công việc, hòa thượng Giác Giới đã nói thêm cho tôi biết về **diễn biến một số Tăng sự quan trọng trong Giáo đoàn I**. Những việc này nghe tuy hơi chán, nhưng chúng rất quan trọng về mặt pháp lý, nhất là đã gián tiếp mô tả về sự sinh hoạt trong Đoàn Du Tăng của đức Nhị Tổ. Hòa thượng vẫn kể:

– Khi tôi phụ tá rồi gánh vác việc tri sự giáo đoàn, ngài thương tôi lắm. Tôi lúc đi xuất gia đã có tâm nguyện làm cho các đoàn hợp tác lại. Nhưng tôi nghĩ mình còn sa-di, chưa có tiếng nói trong chúng. Nên tôi chờ khi được thọ Tỳ-kheo rồi sẽ phát biểu những tâm nguyện của mình. Trước đó tôi có bày tỏ với ngài Giác Đức nhiều. Năm 63 pháp nạn chung của Phật giáo Việt Nam. Năm 64 tôi khởi ý đi vận động thống nhất các đoàn. Tôi thưa với trưởng lão Giác Như và ngài Đức, ngài Trang, mấy vị đều đồng tình. Tôi cũng có trình đức Thượng tọa, ngài nói: “Tôi già yếu rồi⁵, quý sư làm được gì thì làm.”. Rồi mấy sư mới lập Ban Vận Động, kéo cả tôi vào. Tôi nói quý sư xin giúp sư Giác Huệ cho tôi đi. Quý sư đến nói với sư Giác Huệ, ngài nói: “Ông có đi thì về trả y lại cho tôi!”⁶. Nghe quý sư báo lại, tôi vẫn quyết tâm cùng quý sư đi vận động. Tôi

⁵ Năm đó ngài 54 tuổi.

⁶ Y là của Tăng đoàn truyền trao, dù một vị Tăng thống cũng không nên nói vậy. Nhưng hồi đó các ngài trưởng đoàn của phái Khất sĩ có tác phong đó, như Tổ Minh Đăng Quang, một tác phong không đúng luật.

với ngài Giác Trang ra tận miền Trung, lấy hết chữ ký của các vị lớn. Tôi đi mà cũng cảm xúc rơi nước mắt, nghĩ mình làm việc tập thể sao ngài Huệ đòi gác y này kia... Tôi với quý sư vận động được cuộc họp đầu tiên ở Vĩnh Long, nhưng không đủ sáu đoàn về dự.



Biên bản cuộc họp ngày 16/10/1964 tại Tịnh xá Ngọc Viên, vắng Đoàn Thầy Tịnh. Như vậy, tinh thần thống nhất các đoàn Khất sĩ đã có từ lâu. Đề ý số 4 được sửa lại thành 3.

Hồi đó mình cũng còn khờ, có quan điểm cực đoan là thống nhất hết thành một đoàn thì mới đẹp. Nhưng ý tôi lại đồng với ý của Pháp sư. Các đoàn kia đều không chịu thống nhất như vậy, đều đề nghị thống nhất trên tinh thần, còn đoàn ai nấy giữ. Bây giờ tôi mới thấy như vậy là hợp lý. Cũng như giáo hội Phật giáo Việt Nam phải làm vậy mới thống nhất được, nếu không vậy thì bao giờ mới làm được?

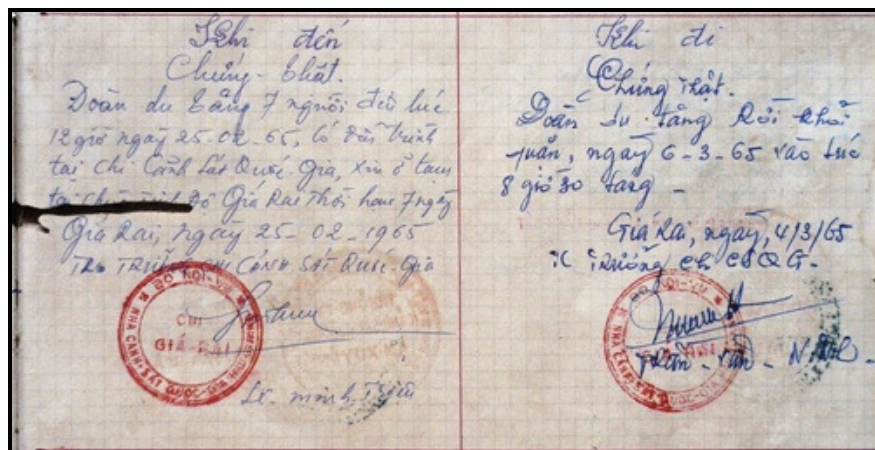
Tôi muốn gom một cục làm người ta sợ. Pháp sư Giác Nhiên cũng vậy. Thành ra lần họp đầu cũng hơi không vui. Quý sư lại cố gắng vận động mời họp lần hai, cũng không đủ sáu đoàn dự, thành ra việc cũng bất thành. Xong việc vận động thống nhất, tôi về gặp ngài Giác Huệ trả y. Tôi tưởng về gặp chắc cũng có chuyện khó khăn này nọ, nhưng không phải vậy. Trả y rồi, tôi tìm y khác mặc rồi theo đoàn đức Thượng tọa Giác Chánh luôn tới giờ.

Hồi năm 62 nghe tin sư Giác Huệ ra đoàn tôi đã không muốn theo, nên tôi vẫn ở lại Ngọc Chánh dự Tự tứ năm đó. Hồi đó tôi nghĩ mình ở lại theo quý sư thì sư Giác Huệ sẽ không sắp mình đi đâu được. Nghĩ vậy mà rồi tôi vẫn phải về với sư phụ mình thôi. Khi tôi về, ngài kéo tôi ra gốc dừa thuyết phục tôi rán chung lo Phật sự. Thành ra tôi tiếp tục theo ngài đến năm 64 đó.

Theo đức Thượng tọa Giác Chánh đi hành đạo, tánh tôi hay lo xây dựng trong Tăng đoàn. Thấy cảnh đức Thượng tọa cứ lo đi hành đạo ở miền dưới, trên này quý sư cứ ở các tịnh xá, không liên hệ gì hết, tôi lại vận động quý sư theo đức Thượng tọa đi hành đạo. Không biết sao hồi đó tiếng nói của tôi cũng

có hiệu quả, mấy sư đã chịu về Sa-đéc họp rồi kéo nhau đi hành đạo với đức Thượng tọa.

Tới tháng 3 năm 1965, tôi về Ngọc Viên, gặp ngài Giác Thảo tôi nói: “Năm nay sắp Tụ tứ rồi, sao không nghe ai nói gì hết? Năm ngoái đã có mấy sư không được thọ giới, năm nay mình nên thỉnh đức Thượng tọa về Tụ tứ để quý sư được thọ giới.”. Ngài Giác Thảo mới xúi tôi xuống thưa với đức Thượng tọa. Tôi đi, xuống tới Tắc Vân gặp được đức Thượng tọa Giác Chánh, Tri sự Giác Như, các ngài Giác Tường, Giác Nhu, Giác Vân... toàn những vị lớn, ở tại một chùa Tịnh độ. Tôi theo chúng sinh hoạt. Hôm sau, mọi người đi bát, về thọ trai, chiều 3 giờ học *Chơn Lý*... Tôi theo quý sư học *Chơn Lý*. Học một lát, tôi xin phép vài phút để trình bạch. Tôi thưa: “Bạch đức Thượng tọa, năm rồi không Tụ tứ, có mấy sư không được thọ Tỳ-kheo. Năm nay đã sắp Tụ tứ, thỉnh ngài về Tịnh xá Ngọc Viên Tụ tứ cho quý sư được thọ giới Tỳ-kheo.”. Ngài nói: “Bây giờ Tăng chúng không có giới luật, cho thọ lên nhiều quá phá đạo.”. Tôi tìm cách thuyết phục: “Bạch đức Thượng tọa, bây giờ truyền thống của mình phải có Tụ tứ, vậy mình cứ giữ. Còn việc thọ giới thì mình kiểm tra thật kỹ rồi cho thọ, như vậy quý sư không trách được mình.”. Ngài vẫn nói: “Khó lắm! Bây giờ Tăng chúng không có giới luật, cho thọ lên nhiều quá phá đạo.”... Ngài với tôi cứ nói hoài, sư Giác Thích nghe phát bực, sư phản ánh: “Hôm rày người ta ở dưới này yên ổn, ông ở đâu xuống đây làm lộn xộn!”. Đức Thượng tọa liền chinh sư Thích: “Thì sư về bàn việc giáo hội chớ có gì mà lộn xộn.”. Tôi thấy vậy thôi không bàn nhiều nữa.



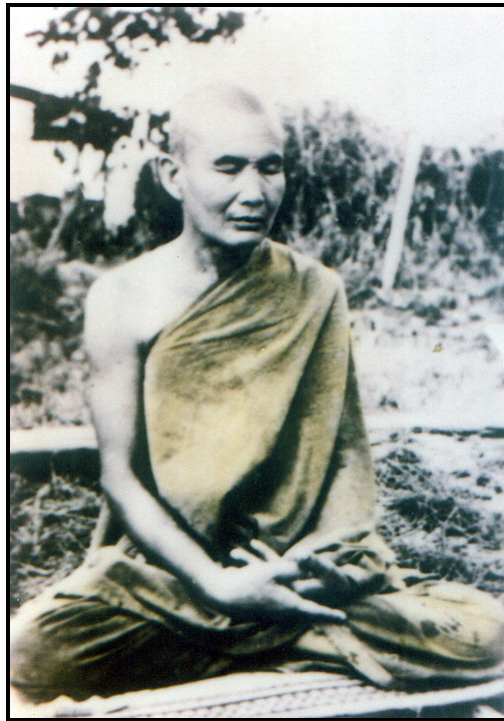
Trích 62 tờ 64a Sổ Trình của Đoàn Du Tăng Khất Sĩ Việt Nam

Trước 1975, xã Tắc Vân thuộc Giá Rai. Sau ngày 1/1/1997, xã Tắc Vân thuộc thành phố Cà Mau. Theo thông tin trong ô trên, Đoàn Du Tăng có 7 người vào lúc đến một chùa Tịnh độ ở Giá Rai. Đến khi ngài Giác Giới xuống gia nhập, đoàn đã có 13 người...

Qua bữa sau, đoàn chuẩn bị đi nơi khác. Hồi xưa, đoàn Du Tăng đi hành đạo ở đâu đều do hai giảng sư của đoàn là ngài Giác Tường với ngài Giác Huệ sắp xếp, đức Thượng tọa đi theo đoàn thôi, tuy ngài là lãnh đạo cao nhất. Tới lúc tách đoàn ra hẳn rồi thì đi đâu là đức Thượng tọa quyết định. Nhưng lần đó ngài Giác Tường bàn với trưởng lão Giác Như và ngài Giác Nhu, ba người định tổ chức xuống Cà Mau thuyết giảng, có hợp đồng một chiếc xe Lam rồi. Ý mấy vị là ra xe rồi mới thưa với đức Thượng tọa.

Đi ra một đoàn, đức Thượng tọa đi đầu, đức Tri sự đi cuối. Đây là cách đi ngày xưa, một vị lớn chèo đầu mũi, một vị lớn chèo đầu lái. Mấy đứa nhỏ đứng bên đường đếm: “Một sãi, hai sãi, ba sãi, bốn sãi, năm sãi...” tới 13 sãi là hết. Ra đường, ông xe Lam chạy rề rề lại thỉnh đức Thượng tọa lên, ngài không lên, né qua đi, cả đoàn đi theo. Ông xe Lam lại đạp cho nổ máy chạy theo nữa, lại dừng xe xuống xá thỉnh đức Thượng tọa, ngài vẫn né qua đi. Ba lần như vậy. Một hồi nghe mấy đứa nhỏ đứng bên đường đếm: “Một sãi, hai sãi, ba sãi, bốn sãi... 12 sãi”, mất hết một sãi. Đó là đức Tri sự, ngài bức bối đón xe về mất.

Đức Thượng tọa vẫn dẫn đoàn đi thẳng. Ngài đi quá chỗ quý sư đã bàn là sẽ ghé, nên mấy sư Giác Cung, Giác Hưng, Giác Thích bảo nhau chạy lên nhắc: “Bạch đức Thượng tọa, đã qua khỏi rồi.”. Ngài mới dẫn đoàn quay lại, ghé vô chỗ đó là một Thánh thất Cao Đài, còn đơn sơ lắm. Đoàn đi vô, hai ngài Tường, Nhu không vô, một số sư ở trên các tịnh xá xuống nhập đoàn du hành cũng không vô. Tôi thấy vậy mới lại bạch: “Kính bạch quý sư, hôm trước trên đó huynh đệ đã đồng lòng xuống đây đi hành đạo với đức Thượng tọa. Nếu hôm nay thấy không đủ duyên, mình cũng phải hòa hợp, ở thì ở hết, còn về thì về hết, chớ chia hai nhóm không hay.”. Quý sư thấy cũng phải nên mới vô, cất đồ rồi đi trì bình, trưa cúng Ngọ, 3 giờ lại học *Chơn Lý*...⁷



Ngài Thượng tọa Giác Chánh đang tọa thiền.

Hôm đó, trong giờ học tôi cũng bạch: “Bạch đức Thượng tọa, con thấy trong chúng đôi khi thiếu sự hòa hợp. Vậy bây giờ mình nên theo ý kiến một người hay nên theo ý kiến tập thể?”. Ngài trả lời ngay: “Nên theo ý kiến số

⁷ Năm 2009, trong bài thuyết giảng tại Khóa Bồi dưỡng Trụ trì của Hệ phái Khất Sĩ, thượng tọa Chánh thư ký Hệ phái cho rằng đi hành đạo phải đi bộ từ tỉnh này qua tỉnh kia mới đúng, còn các hòa thượng chủ trương đi xe là không đúng.

đông.”. Từ đó, đoàn bắt đầu dùng pháp yết-ma quyết định chuyện nên đi nên ở. Một ngày sau đoàn xuống Cà Mau mượn Tịnh xá Ngọc Minh của Ni ở, Ni dọn đi chỗ khác ở tạm. Ở Ngọc Minh, trong giờ học *Chơn Lý*, tôi với ngài Nhu lại tiếp tục bạch đức Thượng tọa xin tiếp tục Tự tứ. Ngài lại nói: “Khó lắm! Bây giờ Tăng chúng không có giới luật, cho thọ lên nhiều quá phá đạo.”. Tôi cứ theo giải thích, thưa thỉnh hoài, quá giờ thôi nghỉ. Tôi làm mấy lần mà ngài vẫn chưa chịu. Tôi lại tiếp tục: “Bạch đức Thượng tọa, con đến đây thưa thỉnh làm mất thời giờ tu thiền của đức Thượng tọa, xin ngài hoan hỷ.”. Ngài nói một câu y như pháp ngữ: “Bàn chuyện giáo hội cũng như tu thiền vậy.”. Tôi mới xin tiếp, sau cũng được ngài đồng ý mở một cuộc họp để đại chúng quyết định việc này. Lúc này tôi với ngài Nhu liền chia đường đi, tôi đi đường dưới, ngài đi đường trên, đi để thỉnh quý sư. Về Vĩnh Long, gặp trưởng lão Như đang cạo tóc ở Ngọc Viên tôi thưa luôn, ngài hoan hỷ lắm. Lần đó quý sư đã về đông họp bàn.

Trong cuộc họp, tôi thưa đức Thượng tọa, đức Tri sự và đại chúng: “Bây giờ, đức Thượng tọa muốn chọn mấy sư xứng đáng được thọ giới thì mình nên cho mấy sư về Ngọc Viên sống chung tu học ba tháng rồi mình lựa.”. Tôi đâu dám dùng từ “về Ngọc Viên an cư”, sợ ngài không chịu. Rồi tôi lại bàn thêm là thay vì chỉ dò Giới bốn thôi, thì bây giờ mình nên dò thêm Thập lục hạnh và Môn oai nghi nữa. Nghe có lý, các ngài đều đồng ý. Nhưng hồi đó chưa tới rằm tháng Tư, nên đức Thượng tọa lại dẫn đoàn đi hành đạo thêm nữa.

Năm đó lần đầu tiên cho các sa-di tập trung về Ngọc Viên tu học ba tháng. Mấy sư lớn đi hết, chỉ có tôi với ngài Giác Trang hướng dẫn mấy sa-di. Lần đầu làm cũng sơ sài, không có bài bản như bây giờ. Tới kỳ gần Tự tứ, quý sư tỳ-kheo đã tập trung ở Sa-đéc, tôi thỉnh đức Thượng tọa mà ngài vẫn chưa chịu qua. Ngài vẫn than là quý sư giới hạnh chưa trang nghiêm, nếu thật trang nghiêm thì nên đập hết mấy nhà bếp đi! Ngài Giác Tường mới biện bạch: “Trong Luật, Tổ nói “Có ban cư sĩ hộ pháp” tức là có nhà bếp đó.”. Đức Thượng tọa vẫn không chịu. Nói qua nói lại, đức Tri sự bức mình xách tọa cụ đứng lên, nhưng lúc đó trời mưa nên ngài không bỏ đi được. Tôi thấy không ổn mới năn nỉ ngài ngồi xuống họp tiếp. Ngài cũng ngồi xuống, cuối cùng chịu nhượng bộ đức Thượng tọa, đồng ý đi dẹp mấy nhà bếp ở các tịnh xá trong đoàn.

Lúc này ngài Giác Trang xin đức Thượng tọa cho giấy giới thiệu ngài đại diện đi dẹp mấy nhà bếp. Đức Thượng tọa nói: “Sư theo Luật làm chớ cần giấy tờ gì!”. Đúng là Luật dạy tịnh xá chỉ có bếp hờ để nấu nước, sắc thuốc, chớ không có cái nhà bếp nấu cơm. Lần đó bàn là nhà bếp nào trong khuôn viên tịnh xá thì dẹp, cái nào ở ngoài khuôn viên thì thôi. Như nhà bếp Ngọc Viên ở ngoài khuôn viên tịnh xá nên khỏi dẹp.

Dẹp nhà bếp rồi, ngài đồng ý cho mấy sa-di thọ giới Tỳ-kheo. Nhưng đến khi thỉnh ngài qua Sa-đéc lại gay go nữa. Qua rồi, lúc đến giờ truyền giới, đức Thượng tọa không chịu lên, lý do là không khỏe, khuyên quý sư nên thỉnh sư Như chứng minh. Quý sư qua thỉnh trưởng lão Giác Như, ngài cũng không chịu lên, kêu quý sư nên thỉnh sư Giác Tường. Ngài Giác Tường không chịu lên như

vậy... Mọi người phải đi năn nỉ đức Thượng tọa, cuối cùng ngài chịu lên chứng minh truyền giới. Bây giờ, các sư đã thọ giới năm đó không còn ai nữa.

Qua năm 66 Tự tứ ở Trà Vinh. Lần đó, mô hình khu nội khu ngoại của tịnh xá cũng do tôi bạch lên. Đầu tiên tôi bạch với trưởng lão Giác Như: “Tịnh xá mình xưa giờ xô bồ xô bộn, Phật tử đến cốc quý sư tự do, sư thì tiếp khách, sư thì tịnh tu không yên...”. Tôi mới đề nghị chia hai khu nội, ngoại. Khu ngoại để sám hối, giảng kinh thuyết pháp... Khu nội để dành riêng cho những vị ham tu. Đức Thượng tọa đồng ý liền. Sáng hôm sau, trưởng lão Như với quý sư liền ra đóng cọc căng rào. Cho nên các tịnh xá đã được chia ra thành hai khu rất hay.

Tôi nói:

– Trong *Chơn Lý*, Tổ sư đã có quy hoạch vậy rồi, hòa thượng.

– Không, Tổ sư cũng đâu có quy hoạch gì. Tổ sư chỉ nói: Tập sự theo tập sự, khát sĩ theo khát sĩ thôi.

– Dạ có khu biệt thất cho Tăng, Ni đó, hòa thượng.⁸

– Đâu có, chỉ nói: Chỗ học hành nơi nghỉ khác nhau, trò nào theo thầy nấy, thiện nam tín nữ không ở quá hai tiếng đồng hồ...

Tới năm 67 Tự tứ ở Cần Thơ, tôi cũng đưa ra ý kiến mới, đó là soạn hai hệ thống giáo lý căn bản và giới luật căn bản của Đạo Phật Khất Sĩ. Mà tôi chú trọng Giới luật trước. Tôi trình đức Thượng tọa là bây giờ mình đã có cái cốt, đã có những bài căn bản mà chưa được chú giải, thành ra khi thật hành mỗi người hiểu một cách. Ví dụ năm trước có hai sư phạm giới 18 của 30 Giới phá sự thanh bần: “Cấm nhận tiền bạc vàng, gởi hoặc bảo kẻ khác nhận thế.”. Quý sư đem ra xử, một sư bị cấm phòng vì ông giữ tiền để cất cốc, còn một sư không bị phạt vì ông giữ tiền để uống thuốc. Nghe tôi giải thích ngài đồng ý, quý sư mới cử ra một Ban soạn thảo kéo nhau về Bạc Liêu làm, rồi cũng hữu thi vô chung.

Sau đó tới biên cố Mậu Thân...

Tôi mở điện thoại xem giờ rồi nói:

– Mô Phật, đã hơn 10 giờ rồi, thỉnh hòa thượng nghỉ cho khỏe. Công việc bề bộn mà hòa thượng vẫn dành thời gian cho con, con xin cảm ơn hòa thượng nhiều.

Hòa thượng đi nghỉ, tôi cũng mau chóng treo mùng nghỉ sớm cho khỏe. Ba cái việc này không làm thì thôi, bày ra làm là có đủ chuyện phức tạp. Lượng thông tin tôi đã xử lý đâu phải là ít, mà sẽ còn nhiều nhiều nữa. Rất tiếc là máy computer không biết tư duy, nếu không thì đỡ cho tôi biết mấy. Thôi, chúc cho tôi nay ngủ mơ thấy Phật!

⁸ *Chơn Lý, Luật Khất Sĩ*: “... Có cốc Tăng ở, chung quanh có hàng rào cao hai thước làm ranh.”.